TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** Bản án số: 06/2024/DS-ST Ngày: 01/02/2024 *V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Hậu**

2. Ông **Nguyễn Thế Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Hồng Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2023/TLST-DS ngày 06/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị T, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Ngọc T1, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ A, thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Hà Thị T trình bày:

Từ tháng 5/2022 đến tháng 11/2022 vợ chồng bà T1, ông Q có vay của bà Hà Thị T với tổng số tiền là 1.750.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, với lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, vay không thế chấp gì, bà T đã giao đủ tiền. Do là chỗ quen biết, thân thiết như chị em trong nhà nên khi vay không lập giấy tờ gì. Kể từ khi vay cho đến nay bà T1, ông Q không thanh toán cho bà T khoản tiền gốc nào, bà T đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà T1, ông Q vẫn

không trả nợ. Vào ngày 28/8/2023 bà T1, ông Q đã ký "Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ" với tổng số tiền nợ là 1.750.000.000đ, cam kết trả trước 100.000.000đ được chia làm 02 lần: Vào ngày 30/9/2023 sẽ trả 50.000.000đ, cuối tháng 12/2023 sẽ trả 50.000.000đ; số tiền còn lại sẽ trả hàng năm, mỗi năm trả 200.000.000đ. Tuy nhiên đến ngày 30/9/2023 bà T1, ông Q vẫn không trả bất cứ khoản nợ nào cho bà T. Toàn bộ số tiền cho vay là của riêng bà T, không liên quan gì đến chồng bà T là ông Lê Trương H.

Bà Hà Thị T khởi yêu cầu bà Vũ Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Văn Q phải trả nợ cho bà T số tiền gốc là 1.750.000.000đ (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất tạm tính từ tháng 11/2022 cho đến tháng 10/2023 là 320.833.334đ (Ba trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba bốn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi suất cho đến thời điểm xét xử.

Theo bản tự khai ngày 16/11/2023 bị đơn bà Vũ Thị Ngọc T1 trình bày:

Từ tháng 01/2022 đến ngày 6/7/2023 bà T1 đã vay tiền của bà T làm nhiều lần với tổng số tiền là 1.700.000.000đ, hai bên không lập giấy tờ gì, lãi suất từ 6% đến 12%/tháng, mỗi lần vay bà T1 đều trả lãi suất cho bà T nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu tiền. Do vợ chồng bà T1 làm ăn thua lỗ nên dẫn đến không có khả năng trả nợ, bà T đã làm đơn gửi đến Công an tỉnh B để tố cáo bà T1 về tội lừa đảo. Sau khi điều tra, xác minh thì bà T1 không phải lừa đảo mà do làm ăn thua lỗ, vợ chồng nợ số tiền quá lớn nên xin bà T cho trả dần. Bà T yêu cầu phải ký giấy nợ và vợ chồng bà T1, ông Q1 đã ký vào "Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ" ngày 28/8/2023 với số tiền là 1.750.000.000đ, cam kết trả trước 100.000.000đ. Hiện nay bà T1 không có việc làm nên không trả được nợ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà T1, ông Q phải nợ 1.750.000.000đ thì bà T1 đồng ý trả nhưng xin trả dần. Còn về tiền lãi suất thì bà T1 xin không tính lãi suất, vì quá trình vay và bà T1 cũng đã thanh toán tiền lãi suất cho bà T rất nhiều lần.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thu thập được lời khai của ông Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc cho nguyên đơn 1.750.000.000đ. Mức lãi suất 3%/tháng là cao hơn so với quy định của pháp luật, đề nghị tính lại lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Hà Thị T có đơn tố giác bà Vũ Thị Ngọc T1 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại thông báo số: 207/TB-CSHS ngày 19/9/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã không khởi tố vụ án hình đối với đơn tố giác của bà Hà Thị T nên bà T khởi kiện vụ án dân sự là có căn cứ.

[1.2] Bị đơn bà Vũ Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Văn Q có địa chỉ tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Hà Thị T tranh chấp về số tiền cho vay, xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[1.3] Bị đơn bà Vũ Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà T1, ông Q.

[1.4] Đối với ông Lê Trương H là chồng của bà T xác nhận số tiền bà T khởi kiện là tài sản riêng của bà T, ông đề nghị không tham gia vụ án. Do ông H không liên quan đến số tiền tranh chấp nên không đưa ông H vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Hà Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị T:

[2.1] Về tiền gốc: Bà Hà Thị T với bà Vũ Thị Ngọc T1 có quen biết và thân thiết với nhau. Thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 11/2022 bà T1, ông Q đã nhiều lần vay tiền của bà Hà Thị T, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Quá trình vay do tin tưởng nhau nên khi vay các bên không lập giấy tờ gì. Bà T cho rằng vợ chồng bà T1, ông Q vay của bà T tổng số tiền 1.750.000.000đ đến nay chưa thanh toán tiền gốc, điều này được bà T1 thừa nhận và đồng ý trả nợ. Bà T1 cũng thừa nhận vợ chồng bà đã ký vào "Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ" ngày 28/8/2023 để xác nhận nợ. Đối với ông Q không đến Tòa án theo giấy triệu tập, ông Q đã tự từ bỏ quyền lợi của mình. Mặc dù không thu thập được lời khai của ông Q nhưng căn cứ vào "Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ" ngày 28/8/2023 do ông Q ký, căn cứ vào lời khai của bà T, bà T1 có đủ cơ sở khẳng định bà T1, ông Q có vay và còn nợ của bà T số tiền gốc là 1.750.000.000đ. Bà T1 xin trả nợ dần và xin không tính tiền lãi suất nhưng bà T không chấp nhận. Do vậy, bà T khởi kiện là có căn cứ, cần buộc bà T1 và ông Q phải trả số tiền gốc 1.750.000.000đ cho bà T.

[2.2] Về tiền lãi suất:

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, thời gian tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/01/2024, xét thấy: Bà T1 cho rằng lãi suất thỏa thuận từ 6% đến 12%/ tháng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, các bên không lập văn bản thỏa thuận về lãi suất, kể cả khi các bên viết

"Giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ" ngày 28/8/2023 thì cũng không thể hiện lãi suất, bà T thừa nhận lãi suất 3%/tháng nên cần xác định mức lãi suất 3%/tháng là giao dịch giữa các bên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay…".* Đối chiếu điều luật thì mức lãi suất 3%/tháng là cao hơn so với quy định. Do vậy, lấy mức lãi suất 20%/tháng để làm căn cứ tính lãi suất trong vụ án. Thời gian tính lãi suất là từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/01/2024 là 14 tháng, 1.750.000.000đ x 20%/năm x 14 tháng = 406.700.000đ. Bà T thừa nhận đã nhận của bà T1, ông Quân số tiền lãi suất trong quá trình vay là 198.800.000đ, bà T1 cho rằng đã trả nhiều tiền lãi suất cho bà T nhưng không đưa ra được số tiền cụ thể, đối chiếu số tiền lãi suất đã thanh toán này phù hợp với các hóa đơn chuyển tiền do bà T1 cung cấp. Do vậy, chấp nhận số tiền lãi suất bà T1, ông Q đã thanh toán cho bà T là 198.800.000đ. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền lãi suất đã thanh toán thì bà T1, ông Q tiếp tục phải trả tiền lãi suất cho bà T là 207.900.000đ.

[2.3] Tổng số tiền cả gốc và lãi suất bà T1, ông Q phải thanh toán cho bà T là 1.957.900.000đ, trong đó tiền gốc là 1.750.000.000đ, tiền lãi suất 207.900.000đ. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 87/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì bà Vũ Thị Ngọc T1 và ông Nguyễn Văn Q đã ly hôn nên không còn là vợ chồng, số tiền nợ này được chia đôi cho mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ ½. Do vậy, bà T1 và ông Q mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền là 978.950.000đ, trong đó tiền gốc là 875.000.000đ, lãi suất tính đến ngày 31/01/2024 là 103.950.000đ.

[3] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, xét thấy: Nguyên đơn bà T yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp phong tỏa này và không có căn cứ để hủy bỏ quyết định. Do vậy, tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này cho đến khi có quyết định khác.

[4] Về án phí: Bị đơn bà T1, ông Q phải nộp án phí có giá ngạch dựa trên số tiền mà mình phải thanh toán.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn bà Vũ Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Văn Q:

+ Buộc bà Vũ Thị Ngọc T1 phải trả nợ cho bà Hà Thị T với tổng số tiền là 978.950.000đ (Chín trăm bảy mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng),

trong đó tiền gốc là 875.000.000đ, tiền lãi suất từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/01/2024 là 103.950.000đ.

+ Buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả nợ cho bà Hà Thị T với tổng số tiền là 978.950.000đ (Chín trăm bảy mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 875.000.000đ, tiền lãi suất từ ngày 01/11/2022 đến ngày 31/01/2024 là 103.950.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

3. Về án phí:

+ Buộc bà Vũ Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Văn Q mỗi người phải nộp 41.368.000đ (Bốn mươi mốt triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho bà Hà Thị T số tiền tạm ứng án phí là 36.708.000đ (Ba mươi sáu triệu bảy trăm linh tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007468 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/02/2024). Bà T1, ông Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Ria - Vũng Tàu;
- VKSND TX. Phú Mỹ. ;
- CCTHADS TX. Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cường